# Máy phân tích song song cầm tay một cổng SL250 (PPA)

**Ứng dụng**

- Nước sạch
- Nước nồi hơi
- Nước làm mát
- Nước mặt
- Nước nguồn




Service Protected

## Một thiết bị cầm tay – mọi thông số quan trọng bạn cần

SL250 Portable Parallel Analyzer (PPA) của Hach® là máy đo chất lượng nước đa thông số sáng tạo, cho phép bạn thực hiện đồng thời các phép đo bằng phương pháp so màu và đầu dò. Thiết bị cùng hóa chất Chemkey® rất dễ sử dụng, phù hợp với mọi trình độ kỹ thuật. So với phương pháp dùng hóa chất dạng bột hoặc dung dịch truyền thống, Chemkey áp dụng cách kiểm tra đơn giản, không cần chuẩn bị mẫu, giúp quá trình kiểm tra dễ dàng hơn, nhanh hơn và an toàn hơn, đồng thời giảm đáng kể sự biến động kết quả. Ngoài nhiều phép đo so màu, bạn còn có thể kiểm tra pH, oxy hòa tan, độ dẫn điện và nhiều chỉ tiêu khác trên một thiết bị.

### Độ chính xác và nhất quán ngay trong tầm tay

Quy trình tự động chọn thông số và đo lường giúp kết quả luôn nhất quán, lặp lại, đồng thời vẫn sử dụng hóa chất tin cậy như các phương pháp hiện tại của Hach. Loại bỏ các thao tác thủ công có thể gây sai lệch giữa người dùng.

### Đẩy nhanh tiến độ kiểm tra của bạn

Không cần chuẩn bị mẫu, bạn sẽ nhận kết quả nhanh hơn. Có thể thực hiện đồng thời đến ba phép kiểm tra một lúc.

### Không cần tiếp xúc với hóa chất

Một thiết bị duy nhất tích hợp kiểm tra màu và đầu dò trong bộ dụng cụ hiện trường, giảm thiểu các phụ kiện đi kèm. Tất cả hóa chất và quy trình đều được chứa trọn trong Chemkey. Không còn phải xử lý gói bột hay ống thủy tinh nào nữa.



*Không phù hợp cho các ứng dụng clo hóa*

## Thông số kỹ thuật*

| | |
|---|---|
| **Thời lượng pin** | >200 lần kiểm tra Chemkey cho mỗi lần sạc đầy pin |
| **Kích thước** | 13,08 x 5,89 x 25,83 cm (5,15 x 2,32 x 10,17 in.) |
| **Chỉ số bảo vệ vỏ máy** | IP54 |
| **Khối lượng** | 1,0 kg |
| **Yêu cầu nguồn điện (Điện áp)** | 100 - 240 VAC |
| **Hoạt động Dải nhiệt độ** | Nhiệt độ hoạt động: 5 - 50 °C (41 - 122 °F), độ ẩm tối đa 85% (không ngưng tụ) |
| **Nhiệt độ** | Nhiệt độ sạc: 5 - 45 °C (41 - 113 °F), độ ẩm tối đa 85% (không ngưng tụ). Nhiệt độ lưu trữ: -20 - 60 °C (-4 - 140 °F), độ ẩm tối đa 85% (không ngưng tụ) |
| **Cổng kết nối** | Cổng Mini USB |
| **Bộ kết nối** | Bộ kết nối đầu vào 5 chân: Hai cổng M12 dành cho đầu dò IntelliCal™ |
| **Nguồn điện** | Jack 2.5 mm |
| **Bộ nhớ dữ liệu** | Bộ nhớ: Lưu được 1000 giá trị đo (kết quả, ngày, giờ, mã địa điểm, mã người dùng) |
| **Lưu trữ dữ liệu** | Tự động lưu ở chế độ đo Press to Read. Thủ công ở chế độ đo liên tục |
| **Hiệu chỉnh nhiệt độ** | Dành cho đầu dò IntelliCAL: Tắt, tự động hoặc thủ công (tùy theo thông số) |
| **Chức năng khóa** | Dành cho đầu dò IntelliCAL: Nhấn để đo hoặc chế độ đo liên tục |
| **Cấp độ bảo vệ** | III |
| **Bộ cảm biến** | Photodiode silicon |
| **Chế độ đo** | Độ truyền sáng (%), độ hấp thụ (abs) và nồng độ (Conc) |
| **Chứng nhận** | CE, UKCA, FCC, ISED, RCM, KC |
| **Bảo hành** | 12 tháng |

**Có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.*

## Hóa chất Chemkey*

Các xét nghiệm Chemkey có sẵn cho các thông số và dải đo sau:

| Thông số | Khoảng đo | Số lượng | Mã sản phẩm |
|---|---|---|---|
| **Clorin tự do** | 0,04 - 4,00 mg/L $Cl_2$ | hộp/25 | 9429000 |
| **Clorin tự do** | 0,04 - 4,00 mg/L $Cl_2$ | hộp/300 | 8499300 |
| **Tổng clorin** | 0,04 - 10 mg/L $Cl_2$ | hộp/25 | 9429100 |
| **Tổng clorin** | 0,04 - 10 mg/L $Cl_2$ | hộp/300 | 8499400 |
| **Monochloramine** | 0,04 - 4,00 mg/L $Cl_2$ | hộp/25 | 9429400 |
| **Nitrit** | 0,005 - 0,600 mg/L $NO_2$-N | hộp/25 | 9429300 |
| **Tổng amoniac** | 0,05 - 1,50 mg/L $NH_3$-N | hộp/25 | 9425200 |
| **Đồng** | 0,06 - 5,00 mg/L Cu | hộp/25 | 9429200 |
| **Sắt hòa tan** | 0,05 - 3,00 mg/L Fe | hộp/25 | 8636000 |
| **Kiềm, mức cao (HR)** | 200 - 700 mg/L $CaCO_3$ | hộp/25 | 8636100 |
| **Kiềm, mức thấp (LR)** | 20 - 200 mg/L $CaCO_3$ | hộp/25 | 8636200 |
| **Độ cứng, mức cao (HR)** | 90 - 750 mg/L $CaCO_3$ | hộp/25 | 8636300 |
| **Độ cứng, mức thấp (LR)** | 3 - 100 mg/L $CaCO_3$ | hộp/25 | 8636400 |
| **Orthophosphate, mức cao (HR)** | 2,0 - 30,0 mg/L $PO_4$ | hộp/25 | 8636500 |
| **Orthophosphate, mức thấp** | 0,20 - 4,00 mg/L $PO_4$ | hộp/25 | 8636600 |
| **Axit peracetic** | 0,04 - 50,0 mg/L PAA | hộp/25 | 8635200 |
| **pH** | pH 6,3 - 9,0 | hộp/25 | 9759000 |
| **Florua** | 0,10 - 4,0 mg/L F | hộp/25 | 9878000 |
| **Mangan, mức cao** | 0,10 - 25,0 mg/L Mn | hộp/25 | 3007000 |
| **Kẽm** | 0,10 - 6,0 mg/L Zn | hộp/25 | 9879000 |

**Có thể thay đổi mà không báo trước.*



# Thông tin đặt hàng

## Thiết bị phân tích

| | |
|---|---|
| **9430250** | Máy phân tích song song cầm tay SL250, một cổng (PPA) |

## Phụ kiện tùy chọn

| | |
|---|---|
| **9427900** | Khóa kiểm tra Clo Chemkey |
| **9436800** | Khóa kiểm tra hệ thống Chemkey |
| **9374200** | Sạc ô tô cho máy phân tích song song cầm tay SL1000/SL250 |
| **PHC20101** | IntelliCAL PHC201 Điện cực pH phòng thí nghiệm đa dụng, gel kín, dây cáp 1 m |
| **PHC28101** | IntelliCAL PHC281 Điện cực pH phòng thí nghiệm có thể bơm lại, dành cho dung dịch ion thấp, dây cáp 1 m |
| **CDC40101** | IntelliCAL CDC401 Tế bào đo độ dẫn điện than chì 4 cực, phòng thí nghiệm, dây cáp 1 m |
| **MTC10101** | IntelliCAL MTC101 Điện cực ORP/RedOx phòng thí nghiệm, gel kín, ít bảo trì, dây cáp 1 m |
| **LDO10101** | IntelliCAL LDO101 Cảm biến oxy hòa tan (DO) quang học/phát quang, phòng thí nghiệm, dây cáp 1 m |
| **ISENO3181AP** | IntelliCAL ISENO318101 Điện cực chọn lọc ion Nitrat ($NO_3^-$) kèm bộ dung dịch hiệu chuẩn |
| **ISEF121AP** | IntelliCAL ISEF12101 Điện cực chọn lọc ion Fluorua ($F^-$) kèm bộ dung dịch hiệu chuẩn |
| **ISECL181AP** | IntelliCAL ISECL18101 Điện cực chọn lọc ion Clorua ($Cl^-$) kèm bộ dung dịch hiệu chuẩn |
| **ISENA381AP** | IntelliCAL ISENA38101 Điện cực ISE natri chuẩn với bộ dung dịch hiệu chuẩn |
| **ISENH4181AP** | IntelliCAL ISENH418101 Điện cực ISE amoni chuẩn với bộ dung dịch hiệu chuẩn |
| **1440049** | Dung dịch chuẩn natri clorua, 491 mg/L NaCl (1000 µS/cm), 500 mL |
| **2630020** | Dung dịch chuẩn clo, 25-30 mg/L $Cl_2$ |
| **1426810** | Dung dịch chuẩn clo, 50-75 mg/L $Cl_2$ |
| **2316949** | Dung dịch chuẩn ZoBell, 500 mL |
| **2947600** | Bộ dung dịch đệm, phân loại theo màu, pH 4.01, pH 7.00 và pH 10.01, 500 mL |
| **2522905** | Dụng cụ lấy mẫu đầu bông |

## Dịch vụ Hach

Với Dịch vụ Hach, bạn sẽ có đối tác toàn cầu thấu hiểu nhu cầu và luôn chú trọng cung cấp dịch vụ chất lượng cao, đúng thời gian bạn mong đợi. Đội ngũ dịch vụ của chúng tôi sở hữu chuyên môn độc đáo, giúp bạn tối ưu thời gian hoạt động thiết bị, đảm bảo dữ liệu chính xác, duy trì vận hành ổn định và giảm thiểu rủi ro về tuân thủ.

**Trụ sở chính toàn cầu: Loveland, Colorado, Hoa Kỳ | hach.com**

**Hoa Kỳ 800-227-4224** fax: 970-669-2932 email: orders@hach.com
**Bên ngoài Hoa Kỳ 970-669-3050** fax: 970-461-3939 email: int@hach.com

©Công ty Hach, 2024. Đã đăng ký bản quyền.
Nhằm nâng cao và cập nhật thiết bị, Công ty Hach có quyền điều chỉnh các thông số kỹ thuật của thiết bị bất cứ lúc nào.

DOC052.32.25035.Apr24